



SO SÁNH THỦ TỤC ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU TẬP THỂ TẠI VIỆT NAM VÀ HOA KỲ: BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM

COMPARISON OF COLLECTIVE TRADEMARK REGISTRATION PROCEDURES IN VIETNAM AND THE UNITED STATES: LESSONS FOR VIETNAM

NGUYỄN THỊ DIỄM

Trường Đại học Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh

Bài viết được công bố trên Tạp chí Giáo dục – Xã hội số Số 168(229) tháng 3/2025 (kì 1)

TÓM TẮT

Bài viết phân tích và so sánh thủ tục đăng ký nhãn hiệu tập thể tại Việt Nam và Hoa Kỳ nhằm rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong việc hoàn thiện cơ chế bảo hộ nhãn hiệu tập thể. Trong khi Việt Nam quy định thủ tục đăng ký theo Luật Sở hữu trí tuệ và chịu sự quản lý của Cục Sở hữu trí tuệ, Hoa Kỳ thực hiện thông qua Văn phòng Nhãn hiệu và Sáng chế Hoa Kỳ (USPTO) với quy trình có tính chặt chẽ hơn. Sự khác biệt thể hiện ở yêu cầu về hồ sơ, tiêu chuẩn đánh giá và quy trình thẩm định. Qua nghiên cứu, bài viết đề xuất một số kiến nghị nhằm đơn giản hóa thủ tục, nâng cao tính minh bạch và hiệu quả thực thi bảo hộ nhãn hiệu tập thể tại Việt Nam, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của các tổ chức, hiệp hội trong nước.

Từ khoá: Nhãn hiệu, nhãn hiệu tập thể, sở hữu trí tuệ, đăng ký nhãn hiệu, bảo hộ nhãn hiệu

ABSTRACT

The article analyzes and compares the procedures for registering collective trademarks in Vietnam and the United States to draw lessons for Vietnam in improving the protection mechanism for collective trademarks. While Vietnam regulates the registration process under the Intellectual Property Law and is administered by the National Office of Intellectual Property (NOIP), the United States implements the process through the United States Patent and Trademark Office (USPTO) with a more stringent procedure. The differences are reflected in the requirements for application dossiers, evaluation criteria, and examination procedures. Based on the study, the

article proposes several recommendations to simplify procedures, enhance transparency, and improve the effectiveness of collective trademark protection in Vietnam, thereby contributing to strengthening the competitiveness of domestic organizations and associations.

Keywords: *Trademark, Collective Trademark, Intellectual Property, Trademark Registration, Trademark Protection.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu phát triển mạnh mẽ, nhãn hiệu không chỉ là công cụ giúp doanh nghiệp tạo sự khác biệt mà còn là yếu tố quan trọng nâng cao năng lực cạnh tranh. Đặc biệt, nhãn hiệu tập thể (NHTT) đóng vai trò quan trọng đối với các sản phẩm địa phương, góp phần bảo vệ quyền lợi của các tổ chức, hiệp hội và thúc đẩy phát triển thương hiệu vùng miền. Sở hữu trí tuệ (SHTT) nói chung và NHTT nói riêng không chỉ thúc đẩy sáng tạo, đổi mới công nghệ mà còn là nền tảng phát triển kinh tế - xã hội, giúp doanh nghiệp tận dụng giá trị tài sản trí tuệ và khẳng định vị thế trên thị trường. Việc so sánh thủ tục đăng ký NHTT giữa Việt Nam và Hoa Kỳ là cần thiết để rút ra bài học kinh nghiệm, từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện cơ chế pháp lý tại Việt Nam. Đặc biệt, với thực tiễn bảo hộ NHTT tại Việt Nam, nhất là đối với nông sản, đặc sản địa phương – những sản phẩm có giá trị thương mại cao nhưng còn hạn chế trong việc mở rộng ra thị trường quốc tế, cần có chính sách và cơ chế đăng ký phù hợp hơn. Do đó, nghiên cứu về sự khác biệt trong thủ tục đăng ký NHTT giữa hai quốc gia không chỉ giúp Việt Nam cải thiện hệ thống bảo hộ mà còn góp phần nâng cao giá trị thương hiệu và mở rộng thị trường xuất khẩu cho các sản phẩm mang tính đặc thù địa phương.

2. QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ THỦ TỤC ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU TẬP THỂ TẠI HOA KỲ VÀ VIỆT NAM

2.1. Quy định pháp luật về thủ tục đăng ký nhãn hiệu tập thể theo pháp luật Hoa Kỳ

Tại Hoa Kỳ, nhãn hiệu tập thể (Collective Trademark) được bảo hộ theo Đạo luật Lanham (Lanham Act) năm 1946, do Văn phòng Nhãn hiệu và Sáng chế Hoa Kỳ (USPTO - United States Patent and Trademark Office) quản lý. Nhãn hiệu tập thể được đăng ký để chỉ ra rằng hàng hóa hoặc dịch vụ có nguồn gốc từ các thành viên của một tổ chức, hiệp hội hoặc nhóm nhất định, nhằm phân biệt với hàng hóa, dịch vụ của các chủ thể khác.

Nhãn hiệu tập thể được chia thành hai loại chính: (i) Collective Trademarks hoặc Collective Service Marks: Dùng để nhận diện hàng hóa hoặc dịch vụ của các thành viên trong một tổ chức; (ii) Collective Membership Marks: Xác nhận tư cách thành viên trong một hiệp hội hoặc tổ chức (không dùng để phân biệt hàng hóa/dịch vụ). [1]

Về thủ tục đăng ký nhãn hiệu tập thể tại Hoa Kỳ, được quy định như sau:

Bước 1: Xác định điều kiện đăng ký

- Nhãn hiệu tập thể phải có tính phân biệt, không được gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã đăng ký trước đó (15 U.S.C. § 1052).

- Nhãn hiệu không được sử dụng để mô tả chung chung về sản phẩm/dịch vụ (15 U.S.C. § 1052(e)).

- Nhãn hiệu không được vi phạm quy định về nhãn hiệu gây hiểu nhầm hoặc lừa đảo (15 U.S.C. § 1064).

Bước 2: Chuẩn bị hồ sơ đăng ký

Theo Điều 15 U.S.C. § 1051, hồ sơ đăng ký nhãn hiệu tập thể tại Hoa Kỳ bao gồm:

- Đơn đăng ký: Nộp qua Trademark Electronic Application System (TEAS) của USPTO.
- Mẫu nhãn hiệu (Specimen of Use): Hình ảnh hoặc mẫu thể hiện cách thức nhãn hiệu được sử dụng trên hàng hóa/dịch vụ.
- Mô tả nhãn hiệu (Description of Mark): Mô tả cụ thể về nhãn hiệu, bao gồm các yếu tố nhận diện.
- Danh sách các thành viên: Chứng minh rằng nhãn hiệu sẽ được sử dụng bởi một nhóm hoặc tổ chức.
- Quy chế sử dụng nhãn hiệu (Rules of Use/Statement of Use): Xác định điều kiện sử dụng nhãn hiệu trong nội bộ tổ chức; Xác định tiêu chí để trở thành thành viên của tổ chức; Quy định về việc kiểm soát chất lượng hàng hóa/dịch vụ gắn với nhãn hiệu.
- Phí đăng ký: Phụ thuộc vào số lượng nhóm sản phẩm/dịch vụ và hình thức nộp đơn.

Bước 3: Thẩm định đơn đăng ký

USPTO sẽ kiểm tra đơn theo quy định tại Điều 15 U.S.C. § 1062:

- Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ.
- Kiểm tra khả năng phân biệt của nhãn hiệu.
- So sánh với các nhãn hiệu đã đăng ký trước đó để tránh xung đột.
- Nếu đơn bị từ chối, USPTO sẽ ra thông báo yêu cầu sửa đổi hoặc phản hồi (Office Action).

Bước 4: Công bố trên Tạp chí Nhãn hiệu Chính phủ

- Nếu đơn đăng ký được chấp thuận, nhãn hiệu sẽ được công bố trên Official Gazette trong 30 ngày để các bên thứ ba có thể phản đối (15 U.S.C. § 1062).
- Nếu không có phản đối, nhãn hiệu sẽ được đăng ký chính thức.

Bước 5: Cấp Giấy chứng nhận đăng ký

- Nhãn hiệu tập thể được bảo hộ trong 10 năm và có thể gia hạn vô thời hạn (15 U.S.C. § 1058-1059).
- Nếu đơn đăng ký theo diện “Intent-to-Use”, chủ đơn phải nộp Bằng chứng sử dụng thực tế (Statement of Use - SOU) theo quy định tại 15 U.S.C. § 1051(d).

Bước 6: Duy trì hiệu lực nhãn hiệu

- Sau 5 năm: Chủ sở hữu phải nộp Bản tuyên bố sử dụng thực tế (Section 8 Declaration of Use) để duy trì hiệu lực (15 U.S.C. § 1058).

- Sau 10 năm: Nhãn hiệu có thể được gia hạn vô thời hạn nếu tiếp tục được sử dụng (15 U.S.C. § 1059).

Hệ thống đăng ký nhãn hiệu tập thể tại Hoa Kỳ theo Đạo luật Lanham (Lanham Act, 1946) có nhiều điểm đặc trưng, thể hiện tính minh bạch, chặt chẽ và hiệu quả trong việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Trước hết, quy trình đăng ký tại Văn phòng Nhãn hiệu và Sáng chế Hoa Kỳ (USPTO) đòi hỏi một hệ thống kiểm tra nghiêm ngặt về tính phân biệt của nhãn hiệu. Không giống như nhãn hiệu thông thường, nhãn hiệu tập thể phải chứng minh rằng nó đại diện cho một hiệp hội hoặc tổ chức cụ thể và không được sử dụng cho lợi ích thương mại riêng của một cá nhân hay doanh nghiệp. Điều này giúp ngăn chặn các hành vi chiếm dụng nhãn hiệu tập thể vào mục đích thương mại cá nhân.

Một đặc điểm quan trọng khác của hệ thống Hoa Kỳ là yêu cầu về quy chế sử dụng nhãn hiệu (Rules of Use). Theo quy định của Điều 15 U.S.C. § 1054, tổ chức sở hữu nhãn hiệu tập thể phải thiết lập một bộ quy tắc rõ ràng về cách sử dụng nhãn hiệu, đối tượng được sử dụng và các tiêu chí đảm bảo chất lượng hàng hóa hoặc dịch vụ. Điều này không chỉ giúp bảo vệ giá trị của nhãn hiệu mà còn góp phần duy trì uy tín của nhóm sở hữu trên thị trường. Đồng thời, Hoa Kỳ cũng yêu cầu chứng minh sử dụng thực tế sau khi đăng ký. Nhãn hiệu tập thể không chỉ cần được bảo hộ trên giấy tờ mà còn phải được sử dụng thực tế trong thương mại để duy trì hiệu lực. Điều này giúp hạn chế tình trạng "đăng ký để giữ chỗ" mà không thực sự đưa nhãn hiệu vào hoạt động. Hơn nữa, hệ thống Hoa Kỳ có cơ chế phản đối minh bạch, đảm bảo rằng bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào có quyền lợi liên quan đều có thể nộp đơn phản đối đăng ký nhãn hiệu trong giai đoạn công bố trên Tạp chí Nhãn hiệu Chính phủ (Official Gazette). Đây là một biện pháp quan trọng nhằm ngăn chặn các xung đột nhãn hiệu trước khi chúng gây ra tranh chấp pháp lý sau này. Nếu có phản đối, vụ việc có thể được giải quyết tại Ủy ban Xét xử và Kháng nghị Nhãn hiệu (TTAB – Trademark Trial and Appeal Board), tạo nên một cơ chế giám sát hiệu quả.

Ngoài ra, hệ thống của Hoa Kỳ còn cho phép bảo hộ mạnh mẽ trên toàn liên bang. Một nhãn hiệu tập thể khi được USPTO cấp văn bằng sẽ có hiệu lực trên toàn lãnh thổ Hoa Kỳ, giúp bảo vệ quyền lợi của tổ chức sở hữu trước các hành vi xâm phạm hoặc sử dụng trái phép. Chủ sở hữu nhãn hiệu có thể khởi kiện bên vi phạm theo Điều 15 U.S.C. § 1114-1125, và nếu chứng minh được hành vi vi phạm cố ý, họ có thể yêu cầu bồi thường thiệt hại lớn, bao gồm cả án phí và lợi nhuận từ bên vi phạm. Nhìn chung, hệ thống đăng ký nhãn hiệu tập thể tại Hoa Kỳ có tính minh bạch, hiệu lực pháp lý cao và yêu cầu chặt chẽ về sử dụng thực tế, góp phần bảo vệ quyền lợi của tổ chức sở hữu và duy trì giá trị thương mại của nhãn hiệu. Đây là mô hình đáng tham khảo để Việt Nam hoàn thiện hơn các quy định về bảo hộ nhãn hiệu tập thể, đặc biệt là trong bối cảnh các sản phẩm nông sản, đặc sản địa phương ngày càng cần được bảo hộ tốt hơn để nâng cao giá trị thương hiệu trên thị trường quốc tế.

2.2. Quy định pháp luật về thủ tục đăng ký nhãn hiệu tập thể theo pháp luật Việt Nam

Nhãn hiệu tập thể là nhãn hiệu dùng để phân biệt hàng hoá, dịch vụ của các thành viên của tổ chức là chủ sở hữu nhãn hiệu đó với hàng hoá, dịch vụ của tổ chức, cá nhân không phải là thành viên của tổ chức đó. Chủ sở hữu nhãn hiệu tập thể có thể là hội, hiệp hội, hợp tác xã, tổ chức nghề

nghiệp hoặc tổ chức có tư cách pháp nhân thay mặt các thành viên quản lý và kiểm soát việc sử dụng nhãn hiệu.[2]

Theo quy định tại khoản 3 Điều 87 Luật Sở hữu trí tuệ 2005, Tổ chức tập thể được thành lập hợp pháp có quyền đăng ký nhãn hiệu tập thể để các thành viên của mình sử dụng theo quy chế sử dụng nhãn hiệu tập thể. Bên cạnh đó, nhãn hiệu tập thể muốn được đăng ký phải đáp ứng các điều kiện sau: (i) dấu hiệu nhìn thấy được dưới dạng chữ cái, từ ngữ, hình vẽ, hình ảnh, hình ba chiều hoặc sự kết hợp các yếu tố đó, được thể hiện bằng một hoặc nhiều màu sắc hoặc dấu hiệu âm thanh thể hiện được dưới dạng đồ họa [3]; (ii) Có khả năng phân biệt hàng hoá, dịch vụ của chủ sở hữu nhãn hiệu với hàng hoá, dịch vụ của chủ thể khác.

Về thủ tục đăng ký nhãn hiệu tập thể tại Việt Nam, được quy định như sau:

Bước 1 : Chuẩn bị hồ sơ đăng ký

Theo quy định tại khoản 1 Điều 100 Luật Sở hữu trí tuệ 2005 và được bổ sung bởi khoản 32 Điều 1 Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi 2022, đơn đăng ký nhãn hiệu tập thể gồm: Tờ khai đăng ký theo mẫu quy định; Tài liệu, mẫu vật, thông tin thể hiện đối tượng sở hữu công nghiệp đăng ký bảo hộ quy định tại các điều từ Điều 102 đến Điều 106 của Luật Sở hữu trí tuệ 2005; Giấy uỷ quyền, nếu đơn nộp thông qua đại diện; Tài liệu chứng minh quyền đăng ký, nếu người nộp đơn thụ hưởng quyền đó của người khác; Tài liệu thuyết minh về nguồn gốc của nguồn gen hoặc tri thức truyền thống về nguồn gen trong đơn đăng ký sáng chế, đối với sáng chế được trực tiếp tạo ra dựa trên nguồn gen hoặc tri thức truyền thống về nguồn gen; Tài liệu chứng minh quyền ưu tiên, nếu có yêu cầu hưởng quyền ưu tiên; Chứng từ nộp phí, lệ phí. Ngoài ra, theo khoản 1 Điều 24 Thông tư 23/2023/TT-BKHCN, quy định về đơn đăng ký nhãn hiệu tập thể phải đáp ứng Phụ lục I của Nghị định 65/2023/NĐ-CP.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 105 Luật Sở hữu trí tuệ 2005, tài liệu, mẫu vật, thông tin xác định nhãn hiệu cần bảo hộ trong đơn đăng ký nhãn hiệu bao gồm: (i) Mẫu nhãn hiệu và danh mục hàng hoá, dịch vụ mang nhãn hiệu; (ii) Quy chế sử dụng nhãn hiệu tập thể, quy chế sử dụng nhãn hiệu chứng nhận.

Về mẫu nhãn hiệu phải được mô tả để làm rõ các yếu tố cấu thành của nhãn hiệu và ý nghĩa tổng thể của nhãn hiệu (nếu có); nếu nhãn hiệu có từ, ngữ thuộc ngôn ngữ tượng hình thì từ, ngữ đó phải được phiên âm; nếu nhãn hiệu có từ, ngữ bằng ngôn ngữ khác tiếng Việt thì phải được dịch ra tiếng Việt; nếu nhãn hiệu là âm thanh thì mẫu nhãn hiệu phải là tệp âm thanh và bản thể hiện dưới dạng đồ họa của âm thanh đó. [4]. Hàng hoá, dịch vụ nêu trong đơn đăng ký nhãn hiệu phải được xếp vào các nhóm phù hợp với bảng phân loại theo Thỏa ước Ni-xơ về phân loại quốc tế về hàng hoá và dịch vụ nhằm mục đích đăng ký nhãn hiệu, do cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp công bố. [5]

Theo khoản 4 Điều 105 Luật Sở hữu trí tuệ 2005, về quy chế sử dụng nhãn hiệu tập thể bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây: Tên, địa chỉ, căn cứ thành lập và hoạt động của tổ chức tập thể là chủ sở hữu nhãn hiệu; Các tiêu chuẩn để trở thành thành viên của tổ chức tập thể; Danh sách các tổ chức, cá nhân được phép sử dụng nhãn hiệu; Các điều kiện sử dụng nhãn hiệu; Biện pháp xử lý hành vi vi phạm quy chế sử dụng nhãn hiệu.

Bước 2: Nộp đơn đăng ký tại Cục sở hữu trí tuệ

Đơn có thể nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống trực tuyến của Cục Sở hữu trí tuệ.

Bước 3: Thẩm định đơn đăng ký

Theo quy định tại khoản 15 Điều 1 Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi 2009, Đơn đăng ký sở hữu công nghiệp được thẩm định hình thức trong thời hạn một tháng, kể từ ngày nộp đơn. Đối với thẩm định nội dung nhãn hiệu không quá chín tháng, kể từ ngày công bố đơn.

Bước 4: Cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu tập thể

Nếu đơn hợp lệ, Cục Sở hữu trí tuệ cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu. Khoản 6 Điều 93 Luật Sở hữu trí tuệ 2005 quy định rằng Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu có hiệu lực từ ngày cấp đến hết mười năm kể từ ngày nộp đơn, có thể gia hạn nhiều lần liên tiếp, mỗi lần mười năm.

Một số lưu ý về việc Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu tập thể bị chấm dứt như sau: *Một là*, Nhãn hiệu không được chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực mà không có lý do chính đáng, trừ trường hợp việc sử dụng được bắt đầu hoặc bắt đầu lại trước ít nhất ba tháng tính đến ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực [6]; *Hai là*, Chủ Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với nhãn hiệu tập thể không kiểm soát hoặc kiểm soát không có hiệu quả việc thực hiện quy chế sử dụng nhãn hiệu tập thể [7]

Hệ thống đăng ký nhãn hiệu tập thể tại Việt Nam theo Luật Sở hữu trí tuệ có những đặc điểm nổi bật nhằm bảo vệ quyền lợi của tổ chức tập thể. Nhãn hiệu tập thể chỉ được đăng ký bởi hiệp hội, hợp tác xã hoặc tổ chức có tư cách pháp nhân, không áp dụng cho cá nhân. Nhãn hiệu tập thể thường gắn với đặc sản địa phương và sản phẩm truyền thống, giúp nâng cao giá trị thương mại. Tuy nhiên, hệ thống pháp luật vẫn thiếu quy định cụ thể về tranh chấp nội bộ và giám sát thực thi quy chế sử dụng. Việc hoàn thiện cơ chế bảo hộ sẽ hỗ trợ tốt hơn cho thương hiệu tập thể Việt Nam trên thị trường trong và ngoài nước.[8]

2.3. So sánh thủ tục đăng ký nhãn hiệu tập thể theo pháp luật Hoa Kỳ và Việt Nam

Thủ tục đăng ký nhãn hiệu tập thể tại Hoa Kỳ và Việt Nam có nhiều điểm tương đồng nhưng cũng tồn tại những khác biệt quan trọng do đặc thù hệ thống pháp luật của mỗi quốc gia. Cả hai hệ thống đều yêu cầu chủ thể đăng ký phải là tổ chức, hiệp hội hoặc hợp tác xã, không cho phép cá nhân đứng tên đăng ký, nhằm bảo đảm lợi ích chung của một nhóm người thay vì mục đích thương mại riêng lẻ.

Về hồ sơ đăng ký, cả hai quốc gia đều yêu cầu mẫu nhãn hiệu, danh mục sản phẩm/dịch vụ và quy chế sử dụng nhãn hiệu tập thể. Tuy nhiên, Hoa Kỳ có yêu cầu chặt chẽ hơn về quy chế sử dụng. Cụ thể, theo Điều 15 U.S.C. § 1054, quy chế sử dụng tại Hoa Kỳ phải nêu rõ các điều kiện để được phép sử dụng nhãn hiệu, phương thức kiểm soát chất lượng hàng hóa/dịch vụ gắn liền với nhãn hiệu, cũng như quy định cụ thể về kỷ luật nội bộ đối với các thành viên vi phạm. Trong khi đó, tại Việt Nam, quy chế sử dụng nhãn hiệu tập thể chủ yếu quy định về điều kiện trở thành thành viên và cơ chế kiểm soát chất lượng, nhưng chưa có quy định chặt chẽ về biện pháp xử lý nội bộ đối với trường hợp lạm dụng hoặc vi phạm quy chế sử dụng.

Một điểm khác biệt lớn giữa hai hệ thống là yêu cầu về sử dụng thực tế. Theo Đạo luật Lanham, Hoa Kỳ yêu cầu nhãn hiệu tập thể phải được sử dụng trong thương mại trước khi cấp chứng nhận đăng ký (đối với đơn theo diện “use-based application”) hoặc phải có Bằng chứng sử dụng thực tế (Statement of Use - SOU) sau khi nộp đơn đăng ký theo diện “intent-to-use” (dự định sử dụng). Trong khi đó, tại Việt Nam, nhãn hiệu không cần chứng minh đã được sử dụng thực tế tại thời điểm đăng ký, tuy nhiên nếu sau 5 năm liên tục không sử dụng, nhãn hiệu có thể bị hủy bỏ hiệu lực. Điều này khiến hệ thống Hoa Kỳ có cơ chế kiểm soát chặt chẽ hơn, tránh tình trạng “đăng ký giữ chỗ” nhưng không khai thác nhãn hiệu một cách thực chất.

Ngoài ra, về thời hạn bảo hộ, cả hai hệ thống đều quy định nhãn hiệu tập thể có hiệu lực 10 năm và có thể gia hạn nhiều lần, mỗi lần 10 năm. Tuy nhiên, tại Hoa Kỳ, sau 5-6 năm đầu tiên, chủ sở hữu phải nộp Bản tuyên bố sử dụng thực tế để duy trì hiệu lực, trong khi tại Việt Nam không có yêu cầu này mà chỉ cần gia hạn sau mỗi 10 năm.

Một điểm quan trọng khác là khả năng bảo hộ và thực thi pháp luật. Tại Hoa Kỳ, khi nhãn hiệu tập thể được đăng ký thành công, chủ sở hữu có thể khởi kiện bên vi phạm ra tòa án liên bang, yêu cầu bồi thường thiệt hại hoặc áp dụng biện pháp ngăn chặn hành vi xâm phạm (15 U.S.C. § 1114-1125). Hệ thống pháp lý Hoa Kỳ cũng có nhiều cơ chế hỗ trợ như Customs and Border Protection (CBP) – cơ quan hải quan Hoa Kỳ giúp kiểm soát hàng hóa giả mạo xâm phạm nhãn hiệu. Ngược lại, tại Việt Nam, mặc dù pháp luật có quy định về xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, nhưng cơ chế thực thi chưa thực sự mạnh mẽ, các biện pháp xử lý còn phụ thuộc nhiều vào cơ quan hành chính thay vì khởi kiện ra tòa án, khiến việc bảo vệ nhãn hiệu tập thể gặp nhiều khó khăn.

Nhìn chung, hệ thống đăng ký nhãn hiệu tập thể tại Hoa Kỳ có cơ chế chặt chẽ, minh bạch, và bảo hộ mạnh mẽ hơn, đặc biệt là yêu cầu về quy chế sử dụng, chứng minh sử dụng thực tế và cơ chế phản đối đăng ký. Trong khi đó, Việt Nam có thủ tục đơn giản hơn nhưng còn một số hạn chế về cơ chế kiểm soát nội bộ và thực thi bảo hộ sau khi đăng ký. Việc nghiên cứu kinh nghiệm của Hoa Kỳ sẽ giúp Việt Nam cải thiện quy trình đăng ký, nâng cao hiệu quả thực thi quyền sở hữu trí tuệ, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và xu hướng bảo hộ thương hiệu địa phương ngày càng gia tăng.

3. MỘT SỐ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM

Việc so sánh thủ tục đăng ký nhãn hiệu tập thể giữa Hoa Kỳ và Việt Nam giúp rút ra nhiều bài học kinh nghiệm quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả bảo hộ nhãn hiệu tập thể tại Việt Nam. Để cải thiện hệ thống đăng ký và bảo hộ nhãn hiệu tập thể, Việt Nam có thể tham khảo các chính sách và quy trình quản lý từ Hoa Kỳ, đặc biệt là những yếu tố giúp tăng tính minh bạch, khả năng thực thi và hiệu quả bảo hộ nhãn hiệu. Dưới đây là một số bài học quan trọng:

Một là, Hoàn thiện quy chế sử dụng nhãn hiệu tập thể. Một trong những điểm khác biệt lớn giữa hệ thống Hoa Kỳ và Việt Nam là yêu cầu về quy chế sử dụng nhãn hiệu tập thể. Tại Hoa Kỳ, quy chế sử dụng (Rules of Use) phải quy định rõ ràng về tiêu chuẩn chất lượng, điều kiện sử dụng, quyền và nghĩa vụ của các thành viên, cũng như cơ chế giám sát và xử lý vi phạm. Trong khi đó, Việt Nam chưa có yêu cầu chi tiết về các nội dung này, dẫn đến nhiều trường hợp nhãn hiệu tập thể không được quản lý chặt chẽ, gây ảnh hưởng đến uy tín của sản phẩm và quyền lợi của thành

viên trong tổ chức. Vì vậy, Việt Nam cần xây dựng quy định cụ thể hơn về nội dung và phạm vi điều chỉnh của quy chế sử dụng nhãn hiệu tập thể, đặc biệt là yêu cầu về kiểm soát chất lượng sản phẩm/dịch vụ nhằm đảm bảo sự đồng nhất trong việc khai thác nhãn hiệu.

Hai là, Áp dụng cơ chế phản đối đăng ký và giám sát chặt chẽ hơn. Hoa Kỳ có cơ chế phản đối đăng ký nhãn hiệu thông qua việc công bố công khai trên Tạp chí Nhãn hiệu Chính phủ (Official Gazette) trong vòng 30 ngày để bên thứ ba có thể đưa ra ý kiến phản đối. Cơ chế này giúp giảm thiểu nguy cơ cấp nhãn hiệu cho các chủ thể không đủ điều kiện hoặc nhãn hiệu có thể gây nhầm lẫn. Trong khi đó, tại Việt Nam, quá trình thẩm định nội dung do Cục Sở hữu trí tuệ thực hiện, nhưng chưa có cơ chế phản đối minh bạch tương tự. Để đảm bảo tính công bằng và tránh xung đột về nhãn hiệu, Việt Nam nên xây dựng hệ thống phản đối đăng ký nhãn hiệu tập thể, tạo cơ hội cho các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân liên quan có thể đóng góp ý kiến trước khi nhãn hiệu được cấp văn bằng bảo hộ.

Ba là, Yêu cầu chứng minh sử dụng thực tế của nhãn hiệu tập thể. Theo quy định của Đạo luật Lanham, Hoa Kỳ yêu cầu chủ đơn đăng ký nhãn hiệu phải chứng minh nhãn hiệu đã được sử dụng thực tế trong thương mại hoặc cam kết sẽ sử dụng trong thời gian nhất định. Điều này giúp hạn chế tình trạng đăng ký nhưng không khai thác nhãn hiệu, tránh việc đầu cơ hoặc giữ chỗ nhãn hiệu mà không có mục đích thương mại rõ ràng. Ngược lại, Việt Nam chưa có quy định yêu cầu chứng minh sử dụng tại thời điểm đăng ký, dẫn đến thực trạng một số tổ chức đăng ký nhãn hiệu tập thể nhưng không thực sự khai thác hoặc sử dụng không hiệu quả. Do đó, Việt Nam nên xem xét áp dụng cơ chế yêu cầu chủ sở hữu nhãn hiệu tập thể nộp bằng chứng sử dụng thực tế sau một khoảng thời gian nhất định sau khi đăng ký (ví dụ: trong vòng 3-5 năm), nhằm đảm bảo nhãn hiệu được sử dụng đúng mục đích.

Bốn là, Đẩy mạnh hỗ trợ tổ chức, hiệp hội trong việc đăng ký và khai thác nhãn hiệu tập thể. Một điểm đáng chú ý tại Hoa Kỳ là các tổ chức, hiệp hội có nhiều nguồn hỗ trợ từ chính phủ và các tổ chức phi lợi nhuận trong việc đăng ký, duy trì và khai thác nhãn hiệu tập thể. Điều này giúp các nhóm sản xuất, đặc biệt là các tổ chức địa phương, dễ dàng tiếp cận quyền sở hữu trí tuệ và tận dụng nhãn hiệu để nâng cao giá trị thương mại của sản phẩm. Trong khi đó, tại Việt Nam, nhiều tổ chức vẫn chưa nhận thức đầy đủ về giá trị của nhãn hiệu tập thể, dẫn đến tình trạng đăng ký nhưng không khai thác hiệu quả. Do đó, chính phủ cần tăng cường chương trình hỗ trợ, tư vấn và đào tạo về nhãn hiệu tập thể, giúp các hiệp hội, hợp tác xã hiểu rõ hơn về cách thức đăng ký, quản lý và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ đối với sản phẩm/dịch vụ của mình. [9]

4. KẾT LUẬN

Việc so sánh thủ tục đăng ký nhãn hiệu tập thể giữa Việt Nam và Hoa Kỳ cho thấy sự khác biệt đáng kể trong quy trình thẩm định, yêu cầu chứng minh sử dụng và cơ chế bảo hộ sau đăng ký. Trong khi Hoa Kỳ có hệ thống pháp luật chặt chẽ, yêu cầu cao về quy chế sử dụng và tính minh bạch, Việt Nam vẫn còn một số hạn chế như thời gian thẩm định kéo dài, cơ chế phản đối chưa rõ ràng và chưa yêu cầu chứng minh sử dụng thực tế khi đăng ký. Để nâng cao hiệu quả bảo hộ nhãn hiệu tập thể, Việt Nam cần cải thiện quy chế sử dụng, thiết lập cơ chế phản đối đăng ký, yêu cầu chứng minh sử dụng thực tế và tăng cường thực thi quyền sở hữu trí tuệ. Đồng thời, việc hỗ trợ các tổ chức, hiệp hội trong quá trình đăng ký và khai thác nhãn hiệu tập thể sẽ giúp nâng cao giá trị

thương mại, đặc biệt với các sản phẩm địa phương. Những cải cách này không chỉ giúp Việt Nam bảo vệ tốt hơn quyền lợi của chủ sở hữu nhãn hiệu tập thể mà còn góp phần thúc đẩy thương hiệu Việt vươn xa trên thị trường quốc tế.

5. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Điều 15 U.S.C. § 1127 (Lanham Act)
2. Khoản 17 Điều 4 Luật Sở hữu trí tuệ 2005
3. Khoản 20 Điều 1 Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi bổ sung 2022
4. Khoản 34 Điều 1 Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi bổ sung 2022
5. Khoản 3 Điều 105 Luật Sở hữu trí tuệ 2005
6. Điểm d khoản 1 Điều 95 Luật sở hữu trí tuệ 2005
7. Điểm đ khoản 1 Điều 95 Luật Sở hữu trí tuệ 2005
8. Vũ Thu Uyên, *Trademark Registration in Vietnam: What You Need to Know* (Đăng ký nhãn hiệu tại Việt Nam: Những điều bạn cần biết), KENFOX IP & LAW OFFICE, truy cập từ <
<https://kenfoxlaw.com/trademark-registration-in-vietnam-what-you-need-to-know?> >
9. Nguyễn Văn Anh, Nguyễn Lan Ánh, & Đỗ Trần Công Thành. (2024). *Giải pháp khai thác và phát triển nhãn hiệu tập thể “Thanh Trà Huế” trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế*, Tạp chí pháp luật và thực tiễn, (57), 111, truy cập từ <
<https://tapchi.hul.edu.vn/index.php/jl/article/view/344/201>>